

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2020/DS-ST
Ngày: 31/8/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhận dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/TB-TLVA ngày 25/5/2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2020/QĐXXST-DS ngày 23/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 160/2020/QĐST-DS ngày 11/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoài N, sinh năm 1996

Địa chỉ: 419/3 Tỉnh Lộ X, khu phố Y, phường T, quận T, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1983

Địa chỉ: 10 đường số M, khu phố N, phường L, quận T (giấy ủy quyền ngày 25/5/2020) (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: 112/8 đường số X, khu phố Z, phường T, quận T, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Hoài N có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiến H1 trình bày:

Tháng 11/2016 bà Lê Thị Hoài N cho bà Nguyễn Thị Mỹ H vay số tiền là 88.000.000 đồng việc vay nợ không có lãi suất, tháng 12/2018 bà H có khó khăn về kinh tế nên bà N cho bà H số tiền là 21.000.000 đồng; bà H chỉ còn nợ lại bà N số tiền là 67.000.000 đồng và xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 3.000.000 đồng thực hiện từ tháng 9/2019, sau đó lại xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng và được bà N đồng ý; tuy nhiên từ tháng 02/2020 bà H không thực hiện, hiện nay bà H còn nợ bà N số tiền là 57.000.000 đồng không tiếp tục thực hiện tiếp việc trả nợ. Vì vậy bà N khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Hoài N số tiền

nợ còn thiếu là 57.000.000 đồng. Số tiền bà N cho bà H vay là của riêng bà N không liên quan đến người khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H (vắng mặt không có lời khai).*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có địa chỉ tại địa chỉ số 112/8 đường số x, khu phố Z, phường T, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 26/3/2020 và tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân sự về hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án số 141/TB-TLVA ngày 25/5/2020 cho bà H nhưng hết thời hạn được quy định tại Điều 174 và Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự bà H không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án tiếp tục triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà H vào ngày 14/7/2020, nhưng bà H vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không hòa giải (do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải) và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ cho bà H biết theo quy định tại khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời triệu tập bà H tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 11/8/2020 nhưng bà H vẫn không đến tòa tham gia xét xử vụ án.

Hội đồng xét xử sau khi thảo luận quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay (31/8/2020), nhưng bà H vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227, Điều 233 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4]. Nguyên đơn bà Lê Thị Hoài N ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến H1 tham gia tố tụng và được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa ông H1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là

phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền vay nợ còn thiếu là 57.000.000 đồng.

[2.1.1]. Căn cứ vào giấy cho vay (không ghi ngày tháng năm) có nội dung: "... bên A người cho vay Lê Thị Hoài N và bên B người vay bà Nguyễn Thị Mỹ H ...". "... bên B đã mượn bên A tổ số tiền là 67.000.000 đồng, trong vòng 24 tháng, trả mỗi tháng 3.000.000 đồng...".

[2.1.2]. Ngày 16/3/2020 bà Lê Thị Hoài N có thông báo gửi cho bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc đòi nợ số tiền còn lại là 57.000.000 đồng.

[2.1.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Mỹ H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Hạnh vẫn không đến tòa trình bày lời khai, cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định giữa bà N và bà H có quan hệ vay mượn tiền. Thực hiện hợp đồng vay, bà H trả nợ không đúng hạn cho bà N và còn nợ lại số tiền 57.000.000 đồng; nên phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền vay còn thiếu nêu trên. Căn cứ căn cứ Điều 357, Điều 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc đòi nợ của nguyên đơn là có căn cứ

[2.1.4]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H đòi lại tiền gốc là 57.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận tại phiên tòa sơ thẩm.

[2.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.850.000 đồng; do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hoài N tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Hoài N số tiền vay là 57.000.000 (năm mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn)

đồng bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu; hoàn trả lại cho bà Lê Thị Hoài N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.425.000 (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0057034 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự quận Thủ Đức; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp. (3)

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình